

Số: 1422135

|                                            | Peugeot 3008 Allure          | Peugeot 408 Allure    |
|--------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>929.000.000đ</b>          | <b>1.019.000.000đ</b> |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                              |                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4510 x 1850 x 1650           | 4687 x 1850 x 1510    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2730                         | 2787                  |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5200                         |                       |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 165                          | 189                   |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1450                         | 1430                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1900                         | 1880                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 520                          | 536                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 53                           | 52                    |
| Số chỗ ngồi                                | 5                            | 5                     |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                              |                       |
| Loại động cơ                               | 1.6L Turbo High Pressure     | 1,6 Turbo PureTech    |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1599                         | 1598                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 165 @ 6000                   | 218 / 5500            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 245 @ 1400-4000              | 300 / 2000            |
| Hộp số                                     | 6AT                          | 8AT                   |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)              | Cầu trước (FWD)       |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson           | Độc Lập Mac Pherson   |
| Hệ thống treo sau                          | Bán độc lập                  | Bán Độc Lập           |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                          | Đĩa                   |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                          | Đĩa                   |
| Thông số lốp xe                            | 225/55 R18                   | 225/55 R18            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8,73                         | 9.74                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 6,26                         | 6.31                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7,16                         | 7.59                  |
| Chế độ lái                                 | Normal/Sport/Manual          | Eco/Normal/Sport      |
| Chế độ địa hình                            | Normal/Snow/Mud/Sand/ESP Off | -                     |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                              |                       |
| Cụm đèn trước                              | LED                          | Xenon                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                            | ●                     |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                            | ●                     |
| Cụm đèn sau                                | LED                          | Halogen               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                            | ●                     |
| Gạt mưa tự động                            | ●                            | ●                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                              |                       |
| Vô lăng bọc da                             | ●                            | ●                     |
| Chất liệu ghế                              | Da phối vải                  | Da                    |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                            | ●                     |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                            | -                     |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                            | ●                     |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Digital 12.3                 | Analog                |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 8                        | AVN 7                 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                            | ●                     |

|                                         |       |             |
|-----------------------------------------|-------|-------------|
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●     | ●           |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2     | 2           |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●     | ●           |
| Chìa khóa thông minh                    | ●     | ●           |
| Khởi động nút bấm                       | ●     | ●           |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa |             |
| Lấy chuyển số                           | ●     | ●           |
| Sạc không dây Qi                        | ●     | ●           |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●     | -           |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●     | ●           |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |       |             |
| Số túi khí                              | 6     | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●     | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●     | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●     | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●     | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●     | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●     |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Sau   | Trước & sau |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●     | -           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●     | ●           |
| Camera lùi                              | ●     | ●           |